

Bản án số: **25/2022/HS-ST**  
Ngày: 23-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Vĩnh Huệ;

Ông Đặng Quang Hải.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Phạm Quốc Hoàng V** (tên gọi khác: **A**), sinh ngày 06/7/1969, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Phạm Hồng S và bà Võ Thị S (đều đã chết); **vợ Trần Thị Thu Đ, sinh năm 1970**; có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2004).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

**\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Ngô Thị Lệ H, sinh năm 1976; nơi cư trú: 17 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thắng L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M 2, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị H, sinh ngày 05/4/1988; nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Anh Trương Văn K, sinh ngày 20/01/1968; nơi cư trú: Tổ T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
5. Anh Hoàng Văn Đ, sinh ngày 12/8/1999; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
6. Chị Võ Thị T, sinh ngày 16/10/1994; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
7. Chị Võ Thị Như R, sinh ngày 26/02/1982; nơi cư trú: Tổ 23 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
8. Chị Phan Thị Hương S, sinh ngày 21/01/1989; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
9. Anh Hồ Mạnh H, sinh ngày 20/02/1990; nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
10. Anh Phạm Hồng S, sinh ngày 01/6/1986; nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
11. Anh Phạm Văn N, sinh ngày 03/3/1999; nơi cư trú: Xóm T, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
12. Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 12/01/1992; nơi cư trú: xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
13. Anh Đỗ Văn P, sinh ngày 21/4/1990; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
14. Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/02/1968; nơi cư trú: Tổ 8, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
15. Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2003; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
16. Chị Nguyễn Thị Họa M, sinh ngày 20/7/1985; nơi cư trú: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
17. Anh Phan Thanh Q, sinh ngày 18/11/2003; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
18. Anh Trần Phúc N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 2, xã K, TP T, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.
19. Anh Đỗ Văn A, sinh ngày 15/4/1994; nơi cư trú: Thôn 6, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
20. Anh Tôn Văn P, sinh ngày 12/12/1972; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.
21. Anh Võ Ngọc T, sinh ngày 06/02/1987; nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
22. Anh Bùi Vi P, sinh ngày 12/11/1987; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
23. Anh Lò Thanh Q, sinh ngày 02/6/1988; nơi cư trú: Km79, N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

24. Cháu Bạch Nguyễn Tuệ Đ, sinh 30/7/2021. *Người đại diện hợp pháp:* Chị Nguyễn Thị Hòa M, sinh ngày 20/7/1985; nơi cư trú: Tổ 4, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

25. Cháu Phạm Anh T, sinh ngày 21/8/2018. *Người đại diện hợp pháp:* Chị Võ Thị T; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

26. Cháu Phạm Bảo K, sinh ngày 02/9/2020 và cháu Phạm Linh Đ, sinh ngày 01/01/2017. *Người đại diện hợp pháp:* Chị Phan Thị Hương S; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

27. Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/6/1977; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

28. Ông Bạch Văn P, sinh ngày 09/8/1958; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

29. Chị Đỗ Thị T, sinh ngày 23/03/1983; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

30. Anh Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/03/1983; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

31. Chị Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 04/10/1972; nơi cư trú: 63/1 N, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

32. Anh Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15/5/1977; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

33. Anh Trịnh Quang V, sinh ngày 24/01/1979; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

34. Anh Nguyễn Văn V, sinh ngày 02/03/1992; nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

35. Anh Huỳnh Văn A; sinh ngày 02/01/1980; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

36. Anh Hồ Thanh N, sinh ngày 17/9/1997; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

37. Anh Hà Huy C, sinh ngày 14/6/1989; nơi cư trú: Xóm 7, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

38. Anh Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/1991; nơi cư trú: Thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

39. Anh Phạm Hồng P, sinh ngày 10/10/1984; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

40. Cháu Nguyễn Lại Bảo C, 04/3/2020. *Người đại diện hợp pháp.* Chị Lại Thị Cẩm L; nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

41. Chị Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 28/03/1986; nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

42. Anh Nguyễn T, sinh ngày, 29/7/1989; nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

43. Anh Nguyễn T, sinh ngày 01/6/1975; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
44. Anh Lê Viết T, sinh ngày 02/10/1991; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
45. Chị Hồ Thị Diệu H, sinh 19/5/1979; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
46. Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh 08/10/1977; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
47. Anh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12/7/2005; nơi cư trú: Thôn H2, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
48. Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 14/8/1994; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
49. Cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/03/2020. *Người đại diện hợp pháp*: Chị Nguyễn Thị Kim D; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
50. Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 04/11/1983; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
51. Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/12/1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
52. Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 10/01/1976; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
53. Cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 25/5/2005; *Người đại diện hợp pháp*: Chị Trương Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: M 2, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
54. Chị Trần Thị Túy O, sinh ngày 20/12/1968, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
55. Anh Võ Đại Thanh T, sinh ngày 20/2/2000; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
56. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/02/1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
57. Anh Lê Quang H, nơi cư trú: 10/5/1981; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.
58. Anh Trần Văn T, sinh ngày 25/8/1975; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.
59. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/11/1981; nơi cư trú: Thôn 6, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
60. Anh Lê H, sinh ngày 08/5/1976; nơi cư trú: Thôn 3, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
61. Anh Nguyễn T, 04/8/2002; nơi cư trú: Thôn 2, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
62. Anh Trần Văn H, sinh ngày 22/01/1996; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

63. Cháu Lê Nguyễn Bảo T, sinh ngày 04/6/2019. *Người đại diện hợp pháp:* Anh Lê T, sinh ngày 11/9/1982; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

64. Anh Lê T, sinh ngày 11/9/1982; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

65. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 09/8/1990; nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

66. Cháu Phạm Gia L, sinh ngày 26/5/2020. *Người đại diện hợp pháp:* Chị Võ Thị T; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm thủ tục cho công nhân Việt Nam nhập cảnh sang Lào để lao động, Phạm Quốc Hoàng V phát hiện kẽ hở trong thủ tục cấp Visa của Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng, không yêu cầu nộp bản gốc các tài liệu nên nảy sinh ý định giả mạo hồ sơ, tài liệu xin cấp Visa để tổ chức cho người Việt Nam xuất cảnh trái phép qua Lào nhằm mục đích thu lợi bất chính.

V liên hệ với Ngô Thị Lệ H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thắng L tìm kiếm công dân Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh sang Lào để V nhận làm thủ tục xuất cảnh trọn gói, với giá là 17.000.000 đồng đối với người lớn và 1.500.000 đồng đối với trẻ em. Qua đó, từ tháng 10 đến tháng 12/2021, H, T, L tiến hành tìm kiếm và thỏa thuận thu tiền người có nhu cầu xuất cảnh cao hơn so với thỏa thuận với V từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng với mục đích hưởng lợi. Cụ thể: Ngô Thị Lệ H tìm kiếm được 10 người (*09 người lớn và 01 trẻ em*), thu 118.500.000 đồng; Nguyễn Minh T tìm được 11 người (*06 người lớn và 05 trẻ em*), thu 101.000.000 đồng; Nguyễn Thắng L tìm được 29 người (*đều là người lớn*), thu 502.500.000 đồng. Tổng số tiền H, T, L đã thu được của những người xuất cảnh là 722.000.000 đồng. Các đối tượng thỏa thuận sẽ chuyển tiền cho V sau khi hoàn tất thủ tục xuất cảnh, tổng cộng 757.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý (*gồm: xin giấy phép nhập cảnh, xin Visa, thuê phương tiện đi lại, ăn uống, test covid, cách ly tại Lào...*), Phạm Quốc Hoàng V sẽ thu lợi số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi tập hợp hộ chiếu và danh sách người có nhu cầu xuất cảnh sang Lào, V đến tiệm Photocopy B thuê Trần Đức P (*sinh năm 1993, trú tại xã P, thành phố H*) sử dụng phần mềm máy tính chỉnh sửa, thay thế danh sách người có nhu cầu xuất cảnh do V lập vào danh sách những người đã làm thủ tục xuất cảnh trong các văn bản được gửi đến Tổng Lãnh sự quán CHDCND Lào trước đó như: Công điện Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Lào gửi Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng hoặc thư đề nghị của các doanh nghiệp gửi Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Lào được đính kèm với công điện của Cục Lãnh sự. Sau đó, V lập hồ sơ (*bao gồm hộ chiếu, tờ khai xuất cảnh và công văn đã được chỉnh sửa nói trên - bản phô tô*) gửi cho

S - Thư ký Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng để xin cấp Visa cho 50 người nêu trên.

Sau khi có Visa và thống nhất thời gian, địa điểm xuất phát với số người trên, V liên hệ với Hồ Đình V (*sinh năm 1990, hiện đang sinh sống tại tỉnh Salavan, Lào*) chuẩn bị phương tiện đón người xuất cảnh từ cửa khẩu về khu cách ly tại tỉnh Salavan, Lào. Khoảng 07 giờ, ngày 04/12/2021, V thuê xe ô tô loại 30 chỗ ngồi và cùng Nguyễn Thắng L sử dụng xe ô tô 07 chỗ ngồi của Lợi đón người xuất cảnh tại các địa điểm như xã L, huyện P, ngã ba đường tránh thành phố Huế, đường Hồ Đắc Di (*thành phố Huế*) đưa đến cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị. Khoảng 12 giờ cùng ngày, số người trên xuống xe tại cửa khẩu, V gom giấy xét nghiệm covid-19 và cùng Ngô Thị Lệ H mang hộ chiếu của 50 người này xuất trình cho lực lượng biên phòng cửa khẩu Quốc tế La Lay để làm thủ tục xuất cảnh. Trong quá trình làm thủ tục, Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế La Lay phát hiện có dấu hiệu nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra và phát hiện V có hành vi giả mạo giấy tờ để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên tiến hành bắt quả tang.

Quá trình điều tra, lực lượng chức năng đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- 70.000.000K (*bảy mươi triệu Kíp tiền Lào*), gồm 700 tờ mệnh giá 100.000K (*một trăm nghìn Kíp*).

- 01 thẻ thanh toán do ngân hàng Agribank phát hành, người đứng tên PHAM QUOC HOANG VU, số thẻ 9704050712768691.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, kiểu loại (*Model*) Reno5, màn hình cảm ứng, màu: Đen-xanh.

- 01 tập hồ sơ đề nghị Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng cấp Visa gồm 16 tờ giấy A4, bằng chữ viết nước ngoài in trên một mặt giấy, là bản Photocopy.

- 01 Danh sách hành khách nhập cảnh cách ly tại Lào ngày 04/12/2021, bằng chữ viết tiếng Việt, gồm 02 tờ giấy A4, thể hiện danh sách 50 người có chữ ký của Phạm Quốc Hoàng V và bà Ngô Thị Lệ H được Phạm Quốc Hoàng V xuất trình đề nghị làm thủ tục xuất cảnh cho 50 công dân Việt Nam.

- 01 tập hồ sơ đề nghị Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng cấp Visa gồm 05 tờ giấy A4, bằng chữ viết nước ngoài in trên một mặt giấy, là bản Scan được thu giữ trong hành lý của Phạm Quốc Hoàng V - được đưa vào hồ sơ vụ án.

- 50 quyền hộ chiếu, được thu giữ khi Phạm Quốc Hoàng V xuất trình yêu cầu làm thủ tục xuất cảnh cho 50 công dân Việt Nam.

- 50 quyền hộ chiếu, được thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Quốc Hoàng V tại thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xử lý vật chứng:

- Ngày 25/01/2022 Cơ quan ANĐT ra Quyết định xử lý vật chứng số 01/ANĐT trả lại 24 hộ chiếu cho người xuất cảnh.

- Trong các ngày 10/3/2022, 25/4/2022 và 30/5/2022 Cơ quan ANĐT đã ra các Quyết định xử lý vật chứng số 03/ANĐT, 05/ANĐT và 07/ANĐT trả lại 10 hộ chiếu thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Quốc Hoàng V cho chủ sở hữu.

- Ngày 30/5/2022 Cơ quan ANĐT ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 17/ANĐT trả lại 70.000.000K (*bảy mươi triệu Kíp Lào*), 01 thẻ thanh toán của Phạm Quốc Hoàng V cho vợ của Phạm Quốc Hoàng V là bà Trần Thị Thu Đ.

- Các vật chứng còn lại chuyển theo hồ sơ vụ án và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị chờ xử lý.

Phạm Quốc Hoàng V đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Cáo trạng số: 26/CT-VKS-P1 ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Phạm Quốc Hoàng V về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo điểm a khoản 3 Điều 348 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; 57 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Quốc Hoàng V từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Trả lại toàn bộ những hộ chiếu cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu OPPO.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo nộp để khắc phục hậu quả. Buộc bị cáo trả lại cho vợ chồng anh Lê T và chị Nguyễn Thị Ngọc D là 10.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Lợi dụng sơ hở trong thủ tục cấp Visa của Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng nên Phạm Quốc Hoàng V nảy sinh ý định giả mạo hồ sơ, tài liệu xin cấp Visa để tổ chức cho người Việt Nam nhập cảnh trái phép vào Lào. Ngày 04/12/2021, V có hành vi tổ chức cho 50 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trong quá trình làm thủ tục tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế La Lay phát hiện có dấu hiệu nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra và phát hiện V có hành vi giả mạo giấy tờ để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên tiến hành bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Quốc Hoàng V đã cấu thành tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Đối với các đối tượng có liên quan:

Đối với Trần Đức P chỉnh sửa phần danh sách người được làm thủ tục cấp Visa, sau đó in ra bằng bản in đen trắng để V sử dụng xin cấp Visa. Do các tài liệu này tuy đã được thay đổi nội dung (*lập thêm họ tên người có nhu cầu xuất cảnh không nằm trong danh sách*) nhưng đây chỉ là các tài liệu phô tô nên không được coi là tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý Phạm Quốc Hoàng V và Trần Đức P về tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Quá trình thực hiện Phú không biết đó là tài liệu gì và chỉnh sửa nhằm mục đích gì nên không đồng phạm với V về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Đối với Ngô Thị Lệ H, Nguyễn Minh T và Nguyễn Thắng L có hành vi môi giới cho người khác xuất cảnh để hưởng tiền chênh lệch từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/người. Qua điều tra xác định H, T, L không biết việc V giả mạo tài liệu xin cấp Visa và tổ chức xuất cảnh trái phép nên không có cơ sở xử lý.

Đối với S - Thư ký Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng, quá trình tiếp nhận hồ sơ xin cấp Visa, S không biết các tài liệu gửi kèm hồ sơ đã bị giả mạo nên không đồng phạm với V về hành vi này.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Việt Nam. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã bất chấp, tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Vì vậy, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.



Bị cáo có nhiều đóng góp cho các hoạt động thiện nguyện tại địa phương (*có xác nhận của chính quyền địa phương*), quá trình làm ăn sinh sống tại Lào bị cáo có phối hợp, hỗ trợ Phòng An ninh đối ngoại (*có văn bản đề nghị xem xét của Phòng An ninh đối ngoại*), bị cáo đã nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*phạm tội chưa đạt*” quy định tại Điều 15 BLHS. Bởi vì, bị cáo bị phát hiện khi đang làm thủ tục xuất cảnh tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế La Lay chưa đưa người qua biên giới thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt quy định tại Điều 57 BLHS.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần trả lại toàn bộ những hộ chiếu cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu OPPO do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo nộp để khắc phục hậu quả. Cần buộc bị cáo trả lại cho vợ chồng anh Lê T và chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền là 10.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận nhưng chưa hoàn trả.

Hoàn trả cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

[7]. Do bị cáo không có thu nhập ổn định, đã lớn tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9]. Ra Quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc Hoàng V (*tên gọi khác: A*) phạm tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt bị cáo **Phạm Quốc Hoàng V: 05 (năm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/12/2021.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

\* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu đen - xanh, bên trong máy có gắn thẻ sim viettel có số seri: 8984048000327629259, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy.

\* *Trả lại cho:*

1. *Chị Hồ Thị H*: Hộ chiếu số: C4460748 cấp ngày 23/02/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Hồ Thị H, sinh ngày 05/4/1988, nơi sinh: Nghệ An.

2. *Ông Trương Văn K*: Hộ chiếu số: B7298951, cấp ngày 20/11/2012, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Trương Văn K, sinh ngày 20/01/1968, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. *Anh Hoàng Văn Đ*: Hộ chiếu số: C4648308, cấp ngày 01/3/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Hoàng Văn Đ, sinh ngày 12/8/1999, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. *Chị Võ Thị T*: Hộ chiếu số: C3109858, cấp ngày 11/5/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Võ Thị T, sinh ngày 16/10/1994, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. *Chị Võ Thị Như R*: Hộ chiếu số: C9768148, cấp ngày 21/7/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Võ Thị Như R, sinh ngày 26/02/1982, nơi sinh: tỉnh Quảng Nam.

6. *Chị Phan Thị Hương S*: Hộ chiếu số: C9874855, cấp ngày 26/11/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Phan Thị Hương S, sinh ngày 21/01/1989, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. *Anh Hồ Mạnh H*: Hộ chiếu số: C9789579, cấp ngày 27/7/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Hồ Mạnh H, sinh ngày 20/02/1990, nơi sinh: Nghệ An.

8. *Anh Phạm Hồng S*: Hộ chiếu số: C9858245, cấp ngày 08/11/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Phạm Hồng S, sinh ngày 01/6/1986, nơi sinh: Nghệ An.

9. *Anh Phạm Văn N*: Hộ chiếu số: C9122908, cấp ngày 08/6/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Phạm Văn N, sinh ngày 03/3/1999, nơi sinh: Nghệ An.

10. *Chị Nguyễn Thị D*: Hộ chiếu số: B8240083, cấp ngày 23/7/2013, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 12/01/1992, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

11. *Anh Đỗ Văn P*: Hộ chiếu số: B7643317, cấp ngày 11/3/2013, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Đỗ Văn P, sinh ngày 21/4/1990, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

12. *Chị Nguyễn Thị N*: Hộ chiếu số: B7301545, cấp ngày 28/11/2012, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/02/1968, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

13. *Chị Nguyễn Thị Kim A*: Hộ chiếu số: C9601989, cấp ngày 18/10/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2003, nơi sinh: tỉnh Quảng Bình.

14. *Chị Nguyễn Thị Hòa M*: Hộ chiếu số: C3781009, cấp ngày 23/8/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị Hòa M, sinh ngày 20/7/1985, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

15. *Anh Phan Thanh Q*: Hộ chiếu số: C8367870, cấp ngày 11/10/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Phan Thanh Q, sinh ngày 18/11/2003, nơi sinh: tỉnh Quảng Bình.

16. *Anh Trần Phúc N*: Hộ chiếu số: C9453762, cấp ngày 19/01/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Trần Phúc N, sinh năm 1989, nơi sinh: Kon Tum.

17. *Anh Đỗ Văn A*: Hộ chiếu số: C7736567, cấp ngày 03/7/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Đỗ Văn A, sinh ngày 15/4/1994, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. *Anh Tôn Văn P*: Hộ chiếu số: C0500147, cấp ngày 09/6/2015, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Tôn Văn P, sinh ngày 12/12/1972, nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh.

19. *Chị Võ Ngọc T*: Hộ chiếu số: C6685938, cấp ngày 14/02/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Võ Ngọc T, sinh ngày 06/02/1987, nơi sinh: Nghệ An.

20. *Anh Bùi Vi P*: Hộ chiếu số: C8705362, cấp ngày 03/01/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Bùi Vi P, sinh ngày 12/11/1987, nơi sinh: Tây Ninh.

21. *Anh Lò Thanh Q*: Hộ chiếu số: B9592098, cấp ngày 15/9/2014, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lò Thanh Q, sinh ngày 02/6/1988, nơi sinh: Thanh Hóa.

22. *Cháu Bạch Nguyễn Tuệ Đ có người đại diện hợp pháp là chị Nguyễn Thị Hòa M*: Hộ chiếu số: C9615122, cấp ngày 01/11/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Bạch Nguyễn Tuệ Đ, sinh ngày 30/7/2021, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

23. *Cháu Phạm Anh T Đan có người đại diện hợp pháp là chị Võ Thị T*: Hộ chiếu số: C5877081, cấp ngày 21/8/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Phạm Anh T, sinh ngày 15/4/2018, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

24. *Cháu Phạm Bảo K* có người đại diện hợp pháp là *chị Phan Thị Hương S*: Hộ chiếu số: C9515838, cấp ngày 15/01/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Phạm Bảo K, sinh ngày 02/9/2020, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

25. *Cháu Phạm Linh Đ* có người đại diện hợp pháp là *chị Phan Thị Hương S*: Hộ chiếu số: C4649206, cấp ngày 02/3/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Phạm Linh Đ, sinh ngày 01/11/2017, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

26. *Chị Nguyễn Thị N*: Hộ chiếu số: B6300438, cấp ngày 02/3/2012, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/6/1977, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

27. *Ông Bạch Văn P*: Hộ chiếu số: C9068840, cấp ngày 09/03/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Bạch Văn P, sinh ngày 09/8/1958, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

28. *Chị Đỗ Thị T*: Hộ chiếu số: C1258386, cấp ngày 16/02/2016, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Đỗ Thị T, sinh ngày 23/03/1983, nơi sinh: Hà Nội.

29. *Anh Nguyễn Quốc T*: Hộ chiếu số: C7450213, cấp ngày 28/5/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/03/1983, nơi sinh: tỉnh Khánh Hòa.

30. *Chị Nguyễn Thị Tố Q*: Hộ chiếu số: C1841025, cấp ngày 23/6/2016, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 04/10/1972, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

31. *Anh Nguyễn Thanh H*: Hộ chiếu số: B8725595, cấp ngày 18/02/2014, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15/5/1977, nơi sinh: Gia Lai.

32. *Anh Trịnh Quang V*: Hộ chiếu số: C1654884, cấp ngày 13/5/2016, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Trịnh Quang V, sinh ngày 24/01/1979, nơi sinh: Đắk Lắk.

33. *Anh Nguyễn Văn V*: Hộ chiếu số: C4653611, cấp ngày 05/03/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Văn V, sinh ngày 02/03/1992, nơi sinh: Gia Lai.

34. *Anh Huỳnh Văn A*: Hộ chiếu số: C9501973, cấp ngày 02/02/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Huỳnh Văn A, sinh ngày 02/01/1980, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

35. *Anh Hồ Thanh Nam*: Hộ chiếu số: B6816106, cấp ngày 26/6/2012, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Hồ Thanh Nam, sinh ngày 17/9/1997, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

36. *Anh Hà Huy C*: Hộ chiếu số: C9851564, cấp ngày 28/10/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Hà Huy C, sinh ngày 14/6/1989, nơi sinh: Nghệ An và Hộ chiếu số: B9691089, cấp ngày 08/10/2014, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Hà Huy C, sinh ngày 14/6/1989, nơi sinh: Nghệ An.

37. *Anh Lê Quốc T*: Hộ chiếu số: C9439050, cấp ngày 16/7/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/1991, nơi sinh: Gia Lai.

38. *Anh Phạm Hồng P*: Hộ chiếu số: B6928797, cấp ngày 09/8/2012, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Phạm Hồng P, sinh ngày 10/10/1984, nơi sinh: tỉnh Khánh Hòa.

39. *Cháu Nguyễn Lại Bảo C có người đại diện hợp pháp chị Lại Thị Cẩm L*: Hộ chiếu số: C9196447, cấp ngày 07/7/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Nguyễn Lại Bảo C, sinh ngày 04/3/2020, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

40. *Chị Lại Thị Cẩm L*: Hộ chiếu số: C6636366, cấp ngày 14/02/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 28/03/1986, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

41. *Anh Nguyễn T*: Hộ chiếu số: C9567192, cấp ngày 24/02/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn T, sinh ngày 29/7/1989, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

42. *Anh Nguyễn T*: Hộ chiếu số: C2896020, cấp ngày 14/3/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn T, sinh ngày 01/6/1975, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

43. *Anh Lê Viết T*: Hộ chiếu số: B9073432, cấp ngày 23/5/2014, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lê Viết T, sinh ngày 02/10/1991, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

44. *Chị Hồ Thị Diệu H*: Hộ chiếu số: B9342591, cấp ngày 25/7/2014, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Hồ Thị Diệu H, sinh ngày 19/5/1979, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

45. *Anh Nguyễn Ngọc Q*: Hộ chiếu số: C2642083, cấp ngày 20/01/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 08/10/1977, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

46. *Cháu Nguyễn Ngọc D có người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Ngọc Q*: Hộ chiếu số: C8675183, cấp ngày 20/12/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12/7/2005, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

47. *Chị Nguyễn Thị Kim D*: Hộ chiếu số: C6178535, cấp ngày 09/10/2018, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 14/8/1994, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

48. *Cháu Nguyễn Văn Gia B có người đại diện hợp pháp là chị Nguyễn Thị Kim D*: Hộ chiếu số: C9366578, cấp ngày 06/11/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/03/2020, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

49. *Anh Nguyễn Văn K*: Hộ chiếu số: B7632063, cấp ngày 25/02/2013, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 04/11/1983, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

50. *Anh Nguyễn Văn D*: Hộ chiếu số: C6822521, cấp ngày 27/02/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/12/1984, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

51. *Anh Nguyễn Văn B*: Hộ chiếu số: C9593600, cấp ngày 06/4/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 10/01/1976, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

52. *Cháu Nguyễn Duy H có người đại diện hợp pháp là chị Trương Thị H*: Hộ chiếu số: C9599145, cấp ngày 26/03/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Duy H, sinh ngày 25/5/2005, nơi sinh: tỉnh Quảng Bình.

53. *Chị Trần Thị Túy O*: Hộ chiếu số: N1743909, cấp ngày 29/03/2016, nơi cấp: Đại Sứ quán Việt Nam tại Lào, cấp cho bà Trần Thị Túy O, sinh ngày 20/12/1968, nơi sinh: tỉnh Quảng Nam.

54. *Anh Võ Đại Thanh T*: Hộ chiếu số: C2138632, cấp ngày 26/8/2016, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Võ Đại Thanh T, sinh ngày 20/02/2000, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

55. *Anh Nguyễn Văn T*: Hộ chiếu số: C9769186, cấp ngày 27/9/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/02/1992, nơi sinh: tỉnh Yên Bái.

56. *Anh Lê Quang H*: Hộ chiếu số: C2881554, cấp ngày 28/02/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lê Quang H, sinh ngày 10/5/1981, nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên.

57. *Anh Trần Văn T*: Hộ chiếu số: C6597454, cấp ngày 11/01/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Trần Văn T, sinh ngày 25/8/1975, nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên.

58. *Chị Nguyễn Thị T*: Hộ chiếu số: C9397787, cấp ngày 30/11/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/11/1981, nơi sinh: Quảng Trị.

59. *Anh Lê H*: Hộ chiếu số: C9589386, cấp ngày 30/03/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lê H, sinh ngày 08/5/1976, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

60. *Anh Nguyễn T*: Hộ chiếu số: C2292525, cấp ngày 27/9/2016, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Nguyễn T, sinh ngày 04/8/2002, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

61. *Anh Trần Văn H*: Hộ chiếu số: C9567070, cấp ngày 19/02/2021, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Trần Văn H, sinh ngày 22/01/1996, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

62. *Cháu Lê Nguyễn Bảo T có người đại diện hợp pháp là anh Lê T*: Hộ chiếu số: C7853501, cấp ngày 12/7/2019, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Lê Nguyễn Bảo T, sinh ngày 04/6/2019, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

63. *Anh Lê T*: Hộ chiếu số: C0649425, cấp ngày 01/10/2015, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho ông Lê T, sinh ngày 11/9/1982, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

64. *Chị Nguyễn Thị Ngọc D*: Hộ chiếu số: C2647287, cấp ngày 07/02/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 09/8/1990, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

65. *Cháu Phạm Gia L có người đại diện hợp pháp là chị Võ Thị T*: Hộ chiếu số: C9129357, cấp ngày 26/5/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cấp cho Phạm Gia L, sinh ngày 14/3/2020, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế.

*(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2022).*

\* Trả lại cho vợ chồng anh Lê T và chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền: 10.000.000 đồng.

\* Trả lại cho bị cáo Phạm Quốc Hoàng V số tiền: 10.000.000 đồng.

*(Số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) hiện có tại tài khoản số 3949.0.1054172.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị theo Ủy nhiệm chi số 01 ngày 26/8/2022 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Trị)*

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Quốc Hoàng V phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến mình; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Quang**